TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B L **- TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2. Ông Nguyễn Thanh An.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện** B L**, tỉnh Long An** tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 7, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

2.2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1967.

2.3. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã T H, huyện B L, tỉnh Long An.

(Bà Chín có đơn xin vắng mặt; bà H, bà Kh, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/3/2023, đơn thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 21/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn A có mối quan hệ họ hàng nên ngày 28/6/2022 bà có cho bà H, bà Kh mượn số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/7/2022 bà tiếp tục cho bà H, bà Kh mượn số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 20/9/2022 bà cho bà H

mượn số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra, bà có cho bà H mượn số tiền 30.000.000 đồng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Đến ngày 25/9/2022 bà H chốt lại tổng cộng số tiền nợ bà là 290.000.000 đồng, khi mượn tiền bà và bà H, bà Kh có làm "Giấy mượn tiền".

Trong quá trình mượn tiền, bà H, bà Kh không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà. Đến hạn trả tiền, bà H, bà Kh không trả cho bà số tiền nợ 290.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị K là vợ chồng, ông A biết việc bà Kh mượn tiền của bà, nợ này là nợ chung của vợ chồng bà Kh, ông A trong thời kỳ hôn nhân.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà số tiền 90.000.000 đồng, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A phải liên đới trả cho bà số tiền là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B L, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện theo các quy định về quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện theo các quy định về quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà tiền nợ là 90.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền nợ vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Chín cung cấp 01 giấy mượn tiền và 01 văn bản có chữ viết và chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Lê Thị K thể hiện bà Kh, bà H có mượn tiền của bà Chín nhiều lần. Ngày 25/9/2022, bà H có chốt nợ với bà Chín số tiền còn nợ là 290.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, bà Kh, bà H không thanh toán cho bà Chín bất kỳ khoản tiền gốc nào. Bà Chín không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đối với yêu cầu liên đới trả nợ: Bà Chín cung cấp "Giấy mượn tiền" có chữ ký và chữ viết của bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông A và bà Kh là vợ chồng, việc bà Kh vay tiền để sử dụng trong gia đình. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Kh, ông A, bà H đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền 90.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện B L, tỉnh Long An. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H, bà Kh, ông A.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Lê Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả số tiền nợ vay 90.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A phải liên đới trả số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy tay chốt nợ ngày 25/9/2022 do bà Chín cung cấp thể hiện bà H còn nợ bà Chín số tiền 290.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là từ ngày 01/10/2022 đến ngày 15/10/2022, trong giấy chốt nợ có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc H, để bà H chốt số tiền nợ bà Chín là 290.000.000 đồng thì trước đó bà H, bà Kh đã nhiều lần mượn tiền của bà Chín, cụ thể là: Ngày 28/6/2022 bà H, bà Kh mượn bà Chín số tiền 100.000.000 đồng, ngày 26/7/2022 bà H, bà Kh mượn bà Chín số tiền 100.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 bà H mượn bà Chín số tiền 60.000.000 đồng, ngoài ra bà H có mượn bà Chín số tiền 30.000.000 đồng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Trong các giấy tay mượn tiền ngày 28/6/2022 và ngày 26/7/2022 đều có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Lê Thị K, còn giấy tay mượn tiền ngày 20/9/2022 thì chỉ có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Do đó, giữa bà Lê Thị C và bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K đã xác lập hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, nhưng bà H, bà Kh không trả tiền nợ vay cho bà Chín, việc bà H bà Kh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm vào hợp đồng các bên đã xác lập.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, bị đơn bà H, bà Kh vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ nêu trên. Trong khi đó theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện B L thì Công an xã Thạnh Hòa xác nhận thông tin bà Lê Thị K có đăng ký thường trú tại ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện B L, tỉnh Long An và hiện tại đang sinh sống tại địa phương. Việc bà H, bà Kh vắng mặt và không phản đối những chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn bà Chín đưa ra nên

không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn xác định bà H, bà Kh còn nợ bà Chín số tiền 200.000.000 đồng và bà H còn nợ bà Chín số tiền 90.000.000 đồng, nhưng bà H, bà Kh không trả số tiền trên cho bà Chín là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu trả số tiền nợ vay của bà Chín là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Bà Lê Thị C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ của ông Nguyễn Văn A: Xét thấy quan hệ giữa bà Kh và ông A là vợ chồng. Bà Kh mượn tiền nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Kh và ông A còn tồn tại. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà Kh và ông A phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Chín số tiền nợ vay 200.000.000 đồng.

[2.5] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho bà Lê Thị C là 90.000.000 đồng: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho bà Lê Thị C là 200.000.000 đồng: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Lê Thị C số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới trả cho bà Lê Thị C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B L;
- THADS huyện B L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo